

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện công tác tháng 4 và kế hoạch công tác tháng 5 năm 2023

I. TÌNH HÌNH CHUNG

Tình hình sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh có một số thuận lợi và khó khăn đan xen như: nguồn nước ngọt đáp ứng được nhu cầu sản xuất và dân sinh, các loại bệnh nguy hiểm trên cây trồng, thủy sản nuôi cơ bản được kiểm soát; giá phân bón giảm, giá lúa, cua biển và cá tra giữ ở mức cao. Tuy nhiên, nhiệt độ chênh lệch giữa ngày và đêm lớn ảnh hưởng đến sự sinh trưởng và phát triển của các loại vật nuôi và thủy sản; nguồn vật tư đầu vào phục vụ sản xuất (xăng dầu, thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi, thuốc BVTV...) ở mức cao làm tăng giá thành sản phẩm; giá cá đầu ra nhiều loại nông, thủy sản không ổn định và ở mức thấp, thị trường tiêu thụ một số mặt hàng nông sản gặp nhiều khó khăn nên chưa khuyến khích được người dân mở rộng sản xuất. Nhưng được sự quan tâm lãnh, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, sự hỗ trợ của các ngành, các cấp, đặc biệt là sự nỗ lực vượt khó của nông dân nên sản xuất nông nghiệp duy trì được mức độ tăng trưởng, cụ thể như sau:

II. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Công tác tham mưu, chỉ đạo điều hành

Tham mưu trình UBND tỉnh 47 tờ trình xin phê duyệt công tác chuyên môn của ngành quản lý⁽¹⁾.

Xây dựng và ban hành 12 Quyết định và 77 báo cáo thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

⁽¹⁾ Phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững trên địa bàn tỉnh gđ 2023-2025; kế hoạch phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Trà Vinh năm 2023; Phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình tổng thể phòng, chống thiên tai Quốc gia trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; phê duyệt Đề cương, nhiệm vụ và dự toán lập dự án nâng cao năng lực cho lực lượng kiểm lâm trong công tác quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng gđ 2023-2030; ban hành lệnh xây dựng công trình khẩn cấp thực hiện công trình Bờ bao ngăn triều cường khu vực Cồn Nhàn, ấp Đông Thành, ấp Hồ Thùng, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh; ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh năm 2023; ban hành Kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chống khai thác IUU, chuẩn bị làm việc với Đoàn Thanh tra của EC lần thứ 4; phê duyệt dự án Hạ tầng Hồ chứa nước ngọt dọc bờ sông Láng Thé đảm bảo an ninh nguồn nước huyện Càng Long, Châu Thành và thành phố Trà Vinh (giai đoạn 1); xin chấp thuận chủ trương thành lập phòng kiểm ngư thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT; ban hành lệnh xây dựng công trình khẩn cấp thực hiện công trình Bờ bao ngăn triều cường khu vực Cồn Nhàn, ấp Đông Thành, ấp Hồ Thùng, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh; ban hành lệnh xây dựng công trình khẩn cấp thực hiện dự án Di dân khẩn cấp sự cố sạt lở bờ biển khu vực ấp Cồn Nhàn, ấp Đông Thành, ấp Hồ Thùng, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh (xin gửi lại bản chính _do bản trước bị sai ở mục nguồn vốn đầu tư); xin hỗ trợ kinh phí trong giai đoạn thực hiện tự chủ 2019-2022 của Trung tâm Giống thuộc Sở NN và PTNT.

2. Kết quả sản xuất nông, lâm, thủy sản và phát triển nông thôn

a) Trồng trọt và bảo vệ thực vật

Cây hàng năm: Diện tích gieo trồng trong tháng 15.389 ha, nâng tổng số được 98.066 ha, đạt 40,81% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 7.906 ha, cụ thể:

- Cây lúa: Gieo sạ 8.319 ha (vụ Hè Thu), thu hoạch 39.305 ha (vụ Đông Xuân). Lũy kế đến nay gieo sạ 71.570 ha, đạt 38,13% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 7.155 ha; thu hoạch 53.982 ha, chiếm 85% diện tích xuống giống, sản lượng 360.660 tấn, thấp hơn cùng kỳ 27.372 tấn, cụ thể:

+ Vụ Mùa: Thu hoạch dứt điểm 1.142 ha, đạt 100% diện tích xuống giống, năng suất trung bình 4,42 tấn/ha (thấp hơn cùng kỳ 0,36 tấn/ha). Sản lượng 5.048 tấn, thấp hơn cùng kỳ 158 tấn.

+ Vụ Đông Xuân: Xuống giống dứt điểm 62.109 ha, vượt 20,13% kế hoạch (*tương đương vượt kế hoạch 10.409 ha*), thấp hơn cùng kỳ 1.217 ha. Thu hoạch 39.305 ha, lũy kế đến nay thu hoạch 52.840 ha, đạt 86,53% diện tích xuống giống (chậm hơn cùng kỳ 6.602 ha), năng suất trung bình 6,73 tấn/ha (cao hơn cùng kỳ 0,29 tấn/ha). Diện tích nhiễm sâu bệnh trong tháng là 393 ha, gồm: Bệnh lem lép hạt 100 ha (tỉ lệ 5-10%) ở xã Kim Hòa, Hiệp Hòa, Nhị Trường (huyện Cầu Ngang); bệnh bạc lá 293 ha (tỉ lệ 10-20%) ở xã Kim Hòa, Hiệp Hòa, Nhị Trường (huyện Cầu Ngang), xã Tập Sơn, Tân Sơn, Phước Hưng (huyện Trà Cú). Ngoài ra, còn xuất hiện một số đối tượng gây hại như: Sâu đục thân, đóm nâu, khô đầu lá ... nhưng với mật số, tỷ lệ gây hại rất thấp.

+ Vụ Hè Thu: Xuống giống 8.319 ha, đạt 12,23% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 8.283 ha), hiện lúa đang phát triển tốt.

- Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác: Gieo trồng 7.070 ha, nâng tổng số đến nay gieo trồng 26.496 ha, đạt 50,3% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 752 ha, gồm: Màu lương thực 3.244 ha, màu thực phẩm 13.499 ha, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác 9.754 ha.

- Tiếp tục theo dõi các điểm dự báo sâu bệnh trên cây lúa và hệ thống bẫy đèn thông minh; phát hành lịch thời vụ gieo sạ lúa Hè Thu tại Thông báo số 161/TB-SNN-BVTM ngày 06/4/2023; theo dõi và hướng dẫn nông dân phòng trị các loại sâu bệnh trên cây ăn trái và hoa màu các loại. Kiểm tra, đánh giá, giám sát mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói, đã gửi 66 hồ sơ đề nghị cấp mới mã số vùng trồng (dừa, lúa, rau màu...) phục vụ xuất khẩu nhưng chưa được nước nhập khẩu yêu cầu có mã số vùng trồng nên chưa được cấp mã số, đến nay được Cục Bảo vệ thực vật duy trì 10 mã số (dừa hấu 4, chôm chôm 1, nhãn 2, xoài 1, thanh long 2), cấp mới 13 mã số (xoài 3, chuối 3, lúa hấu cơ 2, ót 1, mít 2, thanh long 1, sầu riêng 1). Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xác nhận cấp 6 mã số vùng trồng trong nước gồm: Cây dừa 5 (Cầu Kè 2, Càng Long 2, Trà Cú 1); lúa 1 (Trà Cú). Tổng bợp, báo cáo sơ kết sản xuất lúa vụ Đông Xuân 2022-2023, triển khai kế hoạch sản xuất vụ Hè Thu, Thu Đông 2023; tổng hợp mô hình sản xuất điển hình theo yêu cầu của Cục trồng trọt; tổ chức sơ kết giữa kỳ việc thực hiện Bản tin thời tiết nông vụ vụ Đông Xuân 2022-2023; xây dựng kế hoạch điều tra giá thành sản xuất lúa vụ Đông Xuân 2022-2023. Thẩm định, cấp mới và cấp lại 09 giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, lũy kế

đến nay cấp mới và cấp lại 21 giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật (phân bón 10, thuốc BVTV 11).

b) Chăn nuôi, thú y

Trong tháng, vận động tiêm phòng vaccine Cúm gia cầm trên 204,7 ngàn con, LMLM 38 ngàn con bò, Viêm da nỗi cục 1,28 ngàn con, Đại chó 8,46 ngàn liều, các loại bệnh thông thường khác trên đàn gia súc 9,73 ngàn liều và các loại bệnh thông thường khác trên đàn gia cầm 381,6 ngàn liều. Nâng đến nay đã tiêm phòng vaccine Cúm gia cầm 518,8 ngàn con (tăng 204,7 ngàn con so cùng kỳ), LMLM 53,7 ngàn con bò (tăng 38 ngàn con so cùng kỳ), Viêm da nỗi cục 1,58 ngàn con (tăng 1,28 ngàn con so cùng kỳ), Đại chó 13,46 ngàn liều (tăng 8,4 ngàn liều so cùng kỳ), các loại bệnh thông thường khác trên đàn gia súc 155,6 ngàn con (tăng 9,7 ngàn liều so cùng kỳ) và các loại bệnh thông thường khác trên đàn gia cầm 928,76 ngàn con (tăng 381,6 ngàn liều so cùng kỳ).

Bệnh Dịch tả heo Châu Phi: Ngày 14/4/2023, bệnh Dịch tả heo Châu Phi (DTHCP) phát sinh 01 hộ tại phường 2, thị xã Duyên Hải; tổng đàn 21 con heo thịt, số heo nghi mắc bệnh 05 con, chết 01 con. Ngành, đã phối hợp với địa phương tiến hành tiêu hủy 21 con heo, trọng lượng 1.107 kg và tiêu độc khử trùng môi trường chăn nuôi đúng qui định. Tính từ đầu năm đến nay dịch bệnh đã xảy ra tại 08 hộ của 07 ấp, 01 phường, 06 xã, 01 thị xã, 05 huyện (Trà Cú, Cầu Ngang, Châu Thành, Cầu Kè và thị xã Duyên Hải); tiêu hủy heo bị bệnh, nghi bệnh, chết 255 con, trọng lượng 11.024 kg; Hiện đã phun xịt dập dịch được 17.894 lượt hộ, sử dụng 842 lít hóa chất, diện tích 837.000m². Hiện nay, chỉ còn Phường 2, thị xã Duyên Hải có ổ dịch chưa qua 21 ngày.

Theo Báo cáo nhanh của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật trong tháng phát sinh 01 trường hợp người mắc bệnh Đại tử vong tại ấp Cái Cỏ, xã Long Vĩnh, huyện Duyên Hải. Tính từ đầu năm đến nay có 03 trường hợp chó, mèo mắc bệnh Đại ở xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, xã Đại Phước, huyện Càng Long và Phường 2, thị xã Duyên Hải (Theo Thông báo kết quả xét nghiệm số 23-481/TYV6-TH ngày 03/3/2023 và 23-539/TYV6-TH ngày 15/3/2023 của Chi cục Thú y vùng VI và 366/BC-KSBT ngày 28/3/2023 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật). Chi cục đã phối hợp cùng Ủy ban nhân dân các xã Long Đức, Đại Phước và Long Vĩnh xử lý tiêu hủy tổng cộng 13 con chó nghi, có tiếp xúc với con chó mắc bệnh Đại. Đồng thời, phối hợp cùng Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh thực hiện các giải pháp dập dịch bệnh Đại ở người và động vật theo quy định.

Trong tháng kiểm dịch 14.726 con heo; 2.616 con bò, 141,9 ngàn con gia cầm; 38,3 tấn sản phẩm động vật và kiểm dịch 170,5 triệu con (6 triệu con tôm sú và 164,52 triệu con tôm thẻ giống). Nâng đến nay kiểm dịch 54.384 con heo (giảm 31.257 con so cùng kỳ); 7.542 con bò (tăng 3.013 con so cùng kỳ), 637,5 ngàn con gia cầm (tăng 123,5 ngàn con so cùng kỳ); 146,59 tấn sản phẩm động vật và kiểm dịch 480,5 triệu con (31,5 triệu con tôm sú và 449 triệu con tôm thẻ giống).

c) Lâm nghiệp

Tổ chức 65 lượt tuần tra bảo vệ rừng; cấp 13 bảng kê xuất bán động vật

hoang dã (66 cá thể Cầy vòi hương, 14 cá thể Nhím, 31 cá thể Cua đình); cấp 01 mã số cơ sở nuôi (13 cá thể Cầy vòi hương) và triển khai vệ sinh phòng cháy được 180,34 ha. Nâng đến nay tổ chức 277 lượt tuần tra bảo vệ rừng, phát hiện và xử lý 02 trường hợp vi phạm (01 vụ phá rừng trái pháp luật thiệt hại 126 m² rừng sản xuất, chủng loại Được tại Nhà Mát xã Trường Long Hòa thị xã Duyên Hải tỉnh Trà Vinh); cấp 03 mã số (cho 01 hộ nuôi 14 cá thể Cầy vòi hương và 01 cơ sở nuôi 30 cá thể Nhím) và 22 bảng kê xuất bán động vật hoang dã và đã triển khai vệ sinh phòng cháy, chữa cháy rừng được 355,45 ha (đạt 100% kế hoạch). Tổ chức nghiệm thu hoàn thành công trình vệ sinh phòng cháy rừng Phi lao mùa khô năm 2023 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Phối hợp với Văn phòng đăng ký đất đai khảo sát, đo đạc đất rừng xã Long Hòa huyện Châu Thành và xã Mỹ Long Nam huyện Cầu Ngang hoàn tất hồ sơ trình giao đất giao rừng của 02 xã trên.

d) Thủy sản: Đang từng bước cơ cấu lại con nuôi và lịch thả giống thích nghi với biến đổi khí hậu và thị trường tiêu thụ.

Thu hoạch 14.246 tấn (sản lượng nuôi 11.564 tấn, sản lượng khai thác 2.682 tấn). Nâng tổng số đến nay thu hoạch 48.135 tấn (sản lượng nuôi 33.278 tấn, sản lượng khai thác 14.856 tấn), đạt 19,68% kế hoạch, giảm 8.594 tấn so cùng kỳ, cụ thể:

- Nuôi trồng: Thả nuôi 922,2 triệu con tôm và cá giống các loại, diện tích 6.543 ha, thu hoạch 11.564 tấn. Nâng tổng số đến nay thả nuôi 3.279 tỷ con tôm và cá giống các loại, diện tích 31.369 ha, thu hoạch 33.278 tấn, đạt 18,46% kế hoạch (tôm sú 3.085 tấn, tôm thẻ chân trắng 13.145 tấn, cua 614,6 tấn, cá lóc 10.700 tấn, cá các loại 5.733 tấn), giảm 6.513 tấn so cùng kỳ, trong đó:

+ Vùng nước mặn, lợ: Thả nuôi 165,4 triệu con tôm sú giống, diện tích 2.682 ha; 720 triệu con tôm thẻ chân trắng (thâm canh mật độ cao 367,7 triệu con, diện tích 186,9 ha), diện tích 917 ha; cua biển 22,6 triệu con giống, diện tích 2.599 ha. Tuy nhiên, do nhiệt độ ngày và đêm chênh lệch lớn tạo điều kiện cho mầm bệnh phát sinh gây thiệt hại 21,7 triệu con tôm sú, diện tích 89,6 ha và 72,6 triệu con tôm thẻ, diện tích 100,2 ha. Nâng tổng số đến nay thả nuôi 719,9 triệu con tôm sú giống, diện tích 13.935 ha; 2,41 tỷ con tôm thẻ chân trắng (thâm canh mật độ cao 1.007 triệu con, diện tích 514,6 ha), diện tích 3.031 ha; cua biển 89,3 triệu con giống, diện tích 13.427 ha. Tuy nhiên, do nhiệt độ ngày và đêm chênh lệch lớn tạo điều kiện cho mầm bệnh phát sinh gây thiệt hại 34,4 triệu con tôm sú (chiếm 4,8% lượng con giống thả nuôi), diện tích 202 ha; 188,6 triệu con tôm thẻ (chiếm 8% lượng con giống thả nuôi), diện tích 260 ha tôm chết ở giai đoạn từ 25 - 55 ngày tuổi, đa số có dấu hiệu của bệnh đốm trắng, đỏ thân, gan tụy, đường ruột và chậm phát triển giai đoạn đầu.

+ Vùng nước ngọt: Thả nuôi 14,21 triệu con cá giống các loại với diện tích 345 ha. Nâng tổng số đến nay thả nuôi 60,6 triệu con cá giống các loại với diện tích 976 ha.

Nhân dịp kỷ niệm 64 năm ngày truyền thống ngành thủy sản (01/4/1959- 01/4/2023) ngành đã vận động kinh phí các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh tổ

chức thả 1,97 triệu con giống tôm sú và cua biển để tái tạo nguồn lợi thủy sản năm 2023.

* Đăng ký nuôi các đối tượng chủ lực (tôm): 20 hộ nuôi (diện tích 30,29 ha; 26 ao) trên địa bàn huyện Duyên Hải đăng ký nuôi đối tượng chủ lực và đã được cấp giấy xác nhận đăng ký nuôi. Từ năm 2021 đến nay, có 112 hộ (55,475 ha; 174 ao) nuôi tôm sú, tôm thẻ chân trắng đăng ký nuôi và đã được cấp giấy xác nhận (Cầu Ngang: 75 hộ, 16,37 ha, 99 ao; Duyên Hải: 34 hộ, 37,6 ha, 61 ao; Thị xã Duyên Hải: 02 hộ, 1,22 ha, 08 ao; Châu Thành: 01 hộ, 0,31 ha, 06 ao).

- Khai thác: Toàn tỉnh có 943 tàu cá được đăng ký, tổng công suất 150.458 CV, giảm 5.007 CV (*264 tàu có chiều dài từ 15 m trở lên*); sản lượng khai thác 2.682 tấn (126 tấn tôm); trong đó, khai thác nội đồng 567 tấn (68 tấn tôm), khai thác hải sản 2.116 tấn (58 tấn tôm). Nâng tổng số đến nay sản lượng khai thác thủy sản 14.856 tấn (1.351 tấn tôm), đạt 23,09% kế hoạch, giảm 2.082 tấn so cùng kỳ; trong đó, khai thác nội đồng 2.025 tấn (305 tấn tôm), khai thác hải sản 12.832 tấn (1.351 tấn tôm).

- Thu mua, chế biến: Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long thu mua 168 tấn tôm (04 tấn tôm sú, 164 tấn tôm thẻ), chế biến 537 tấn, tiêu thụ 174 tấn, kim ngạch xuất khẩu 1,81 triệu USD. Nâng tổng số đến nay các doanh nghiệp thu mua 836 tấn tôm (26 tấn tôm sú, 806 tấn tôm thẻ), chế biến 1.626 tấn, tiêu thụ 663 tấn, kim ngạch xuất khẩu 7,33 triệu USD.

e) Phát triển nông thôn

Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:

- Trong tháng, các huyện, thị xã, thành phố không tổ chức công nhận áp văn hóa, áp nông thôn mới, gia đình văn hóa, nông thôn mới và hộ nông thôn mới. Đến nay toàn tỉnh có 218.997 hộ đạt chuẩn gia đình văn hóa, nông thôn mới, chiếm 95,46% số hộ phát động; 632 áp đạt chuẩn áp văn hóa, áp nông thôn mới, chiếm 98,6%, (trong đó, có 53 áp nông thôn mới kiểu mẫu, chiếm 8,39%).

- Kết quả thực hiện các nhóm tiêu chí:

+ Trong tháng 02 huyện Cầu Ngang và Duyên Hải đã hoàn chỉnh hồ sơ trình Trưởng ương thẩm định, Đoàn công tác Trung ương đã đến 02 huyện kiểm tra thực tế và tổ chức thẩm định. Đến nay, toàn tỉnh có 06/9 đơn vị cấp huyện (*huyện Tiểu Cần, Cầu Kè, Càng Long, Châu Thành, thị xã Duyên Hải và thành phố Trà Vinh*) được Thủ tướng Chính phủ công nhận đạt chuẩn và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM.

+ *Xã nông thôn mới*: Tính đến nay, toàn tỉnh có 85/85 xã đạt 19/19 tiêu chí, (đã công nhận 82 xã, 3 xã còn lại của huyện Trà Cú là Hàm Giang, Ngãi Xuyên, Kim Sơn đã hoàn chỉnh hồ trình UBND tỉnh công nhận).

+ *Xã nông thôn mới nâng cao*: Hiện có 11 xã đã thẩm định, chuẩn bị trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, công nhận. Tính đến nay, toàn tỉnh có 27 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

Chương trình OCOP:

Hoàn chỉnh và tham mưu trình UBND tỉnh dự thảo Kế hoạch thực hiện Liên kết tiêu thụ sản phẩm OCOP năm 2023; Tổng hợp danh mục rà soát thực hiện

chính sách theo Điều 6 của quy định tại Nghị quyết 03 về vốn hỗ trợ cơ sở OCOP năm 2023 và Trình phê duyệt Kế hoạch thực hiện triển khai “Mô hình thí điểm chuỗi giá trị tại chủ thể Mật Hoa dừa”; Cấp phát 402 quyết tài liệu Chương trình OCOP và 2.450 Tem OCOP gửi các sở, ban ngành tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố.

Kinh tế hợp tác: Trong tháng, có 02 HTX được thành lập (HTX NN Nhất Tâm, phường 8, Tp Trà Vinh; HTX Nuôi Sò Thành Công, khóm 4, Thị trấn Long Thành, huyện Duyên Hải). Nâng đến nay, trên địa bàn tỉnh có 127 HTX nông nghiệp đang hoạt động⁽²⁾ (18 HTX nuôi trồng thủy sản, 05 HTX chăn nuôi, 06 HTX cây ăn trái, 03 HTX hoa kiểng, 63 HTX lúa gạo - DVNN, 06 HTX rau màu – củ quả, 01 HTX mía và 25 HTX tổng hợp) và 01 liên hiệp HTX đang hoạt động. Hiện tại trên địa bàn tỉnh có 1.596 THT nông nghiệp với 29.727 tổ viên (binh quân có khoảng 18,6 thành viên/tổ). Đến nay, có 02 HTX đăng ký tham gia dự án liên kết (HTX quýt đường Thuận Phú, HTX nông nghiệp Châu Hưng).

Bố trí dân cư: Bàn giao cọc mốc bồi thường giải phóng mặt bằng cho UBND huyện Trà Cú triển khai thực hiện dự án Di dân khẩn cấp khu vực sát lờ nguy hiểm xã Định An và tổ chức họp lấy ý kiến đóng góp các phương tiện thiết kế dự án Di dân khẩn cấp sự cố sạt lở bờ biển khu vực Cồn Nhàn, ấp Đông Thành, ấp Hồ Thùng xã Đông Hải, huyện Duyên Hải và dự án Bờ bao ngăn triều cường khu vực Cồn Nhàn.

Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn: Trong tháng lắp đặt đồng hồ nước cho 874 hộ. Nâng đến nay đã cung cấp cho 170.722 hộ sử dụng nước máy. Trong tháng hoàn thành 05 hồ sơ thuê đất và đã có quyết định cho thuê đất, lũy kế đến nay có Quyết định cho thuê đất 49 trạm cấp nước và 01 nhà kho, các trạm còn lại đang làm hồ sơ; Thực hiện bảo trì 02 trạm cấp nước Trường Thọ và Thị trấn Long Thành. Dự án công trình trữ nước và hệ thống cấp nước sinh hoạt tại các vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng xâm nhập mặn trên địa bàn tỉnh Trà Vinh: Bộ Nông nghiệp và PTNT đã thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, đang thực hiện các thủ tục để phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi; Dự án Nâng cấp, mở rộng Trạm cấp nước xã Long Sơn, huyện Cầu Ngang: Đã gửi hồ sơ thiết kế đến nhà tài trợ, khi nhà tài trợ thông nhất ý kiến sẽ trình Sở Xây dựng thẩm định hồ sơ thiết kế.

3. Xây dựng cơ bản, công tác thủy lợi và phòng chống thiên tai

a) **Công tác xây dựng cơ bản:** Tiếp tục theo dõi, triển khai thực hiện 11 dự án, gồm: 01 công trình lâm nghiệp, 05 công trình đê kè; 02 công trình phục vụ sản xuất nông nghiệp, 02 công trình phục vụ thủy sản, 01 công trình di dân. Ước giải ngân đến 17/4/2023 là 17,82 tỷ đồng, đạt 8,48% kế hoạch vốn phân bổ vốn 2023 chuyển sang.

b) Công tác thủy lợi và phòng chống thiên tai

Công tác thủy lợi nội đồng: Tổ chức thực hiện nạo vét 140 công trình, chiều dài 102.395 m, khối lượng 271.590 m³ và vớt lục bình được 29.574 m². Nâng đến nay các huyện 9 huyện, thị xã, thành phố thực hiện nạo vét 207 công trình (đạt

⁽²⁾ Tổng số đã thành lập 154 HTX xã nông nghiệp (127 HTX đang hoạt động, 01 liên hiệp HTX, 26 HTX ngưng hoạt động)

50,4%), chiều dài 149.497 m, khối lượng 420.128 m³ và vót lục bình được 35.823 m².

Phối hợp với Công ty TNHH MTV Quản lý khai thác công trình thủy lợi kiểm tra, vận hành công tích trữ nước ngọt ở những nơi có điều kiện, ngăn triều cường phục vụ sản xuất lúa vụ Đông Xuân.

- Tham gia nghiệm thu hoàn thành, đưa vào sử dụng 09 công trình: Nạo vét 05 kênh cấp II, xã Hiếu Tử, Long Thới, Ngãi Hùng, Tân Hòa và Song Lộc; Sửa chữa cửa, thay khung cửa số 1, 4, 5 và tời công Vinh Kim; Thay cầu trực công Láng Thé và Cái Hóp và công trình sơn, sửa cửa công cấp II: 5 Hữu, 10 Y, Tân Định 1 và Rạch Bưng; Nạo vét 03 kênh cấp II, xã Phước Hảo; Nạo vét 02 kênh cấp II, xã Mỹ Chánh; Nạo vét 07 kênh cấp II, xã Lương Hòa A; Thay mới cửa công Ngãi Hiệp và Rạch Kinh; Nạo vét 04 kênh cấp II, xã Tập Ngãi, Tân Hùng; Tham gia nghiệm thu hoàn thành, đưa vào sử dụng công trình tôn cao sân công Láng Thé.

Kiểm tra đê điêu: Tổ chức được 19 đợt kiểm tra, với 61 lượt cán bộ tham gia, qua kết quả kiểm tra phát hiện 04 trường hợp vi phạm đê hành lang bảo vệ đê điêu: Tuyến đê Mỹ Long (01 trường hợp); Tuyến đê Hồ Tàu - Ông Năm (02 trường hợp); Kè bảo vệ đoạn xung yếu bờ biển áp Cồn Trứng, xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh (01 trường hợp). Kết quả xử lý Hạt Quản lý Đê điêu kết hợp với chính quyền địa phương tiến hành lập biên bản xử lý theo quy định. Lũy kế từ đầu năm đến nay có 10 trường hợp vi phạm hành lang bảo vệ đê điêu, trong đó: Tuyến đê Mỹ Long (01 trường hợp); Tuyến đê Hồ Tàu - Ông Năm (02 trường hợp); Tuyến đê Hồ Tàu - Đông Hải (03 trường hợp); Tuyến đê Giồng Bàng (01 trường hợp); Kè bảo vệ đoạn xung yếu bờ biển áp Cồn Trứng xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh (03 trường hợp). Các trường hợp vi phạm chủ yếu xây dựng nhà, chuồng bò, Hạt Quản lý Đê điêu kết hợp với chính quyền địa phương tiến hành lập biên bản xử lý theo quy định.

Tham gia nghiệm thu xóa bảo hành: Công trình đê bao chống sạt lở Bắc rạch Trà Cú, xã Lưu nghiệp Anh, huyện Trà Cú; Công trình kè bảo vệ đoạn xung yếu bờ biển xã Hiệp Thạnh, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh; xây dựng 01 Kế hoạch: Nhận trang thiết bị từ nguồn dự trữ Quốc gia phục vụ công tác ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn.

Trong tháng các đơn vị đăng nộp Quỹ PCTT thêm 103 triệu đồng, nâng tổng số đến nay là 1.114 triệu đồng.

4. Kết quả thực hiện công tác chuyên ngành

a) Công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm (ATTP), quản lý tàu cá, cảng cá và thanh tra, kiểm tra.

Quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, ATTP: Hướng dẫn, tiếp nhận 04 cơ sở ký bản cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản an toàn. Thẩm định điều kiện bảo đảm ATTP 27 cơ sở (13 cơ sở loại A và 14 cơ sở loại B); cấp 12 giấy Chứng nhận đủ điều kiện ATTP và cấp 03 giấy chứng nhận xuất xứ nhuyễn thể 02 mảnh vỏ; thực hiện lấy 40 mẫu nông sản, thực phẩm để phân tích chỉ tiêu chất lượng và ATTP; Tổ chức 13 lớp tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm (ATTP) cho 456 cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông lâm thủy sản.

Nâng đến nay đã hướng dẫn, tiếp nhận 10 cơ sở ký bản cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản an toàn. Thẩm định điều kiện bảo đảm ATTP 57 cơ sở (19 cơ sở loại A, 38 cơ sở loại B); cấp 25 Giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP (08 cấp mới, 17 cấp lại) và cấp 18 giấy chứng nhận xuất xứ nhuyễn thể 02 mảnh vỏ; thực hiện lấy 132 mẫu nông sản, thực phẩm để phân tích chỉ tiêu chất lượng và ATTP; tổ chức 18 lớp tập huấn, tuyên truyền, có 570 người tham dự.

Quản lý tàu cá, cảng cá: Tổ chức thu dịch vụ sử dụng cảng 1.677 lượt tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 1.562 tấn hàng hoá và cho thuê mặt bằng, dịch vụ cảng với số tiền 193,2 triệu đồng; xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản 21 giấy (492 tấn). Nâng đến nay đã tổ chức thu dịch vụ sử dụng cảng 3.898 lượt tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 3.540 tấn hàng hoá và cho thuê mặt bằng, dịch vụ cảng với số tiền 399,37 triệu đồng; xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản 69 giấy (1.592 tấn). Kết hợp Bộ đội Biên phòng tỉnh và địa phương đảm bảo an ninh trật tự khu vực Cảng cá Láng Chim và Cảng cá Định An; chuẩn bị tốt nhất các điều kiện, sẵn sàng hỗ trợ ngư dân đưa tàu về nơi neo đậu an toàn khi xảy ra mưa bão; hướng dẫn 239 tàu được lắp đặt thiết bị giám sát hành trình tàu cá, đạt 100% số tàu khai thác xa bờ.

Thanh tra, kiểm tra 28 cửa hàng buôn bán thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi; 04 hộ giết mổ heo, 12 quầy mua bán thịt heo, 02 phương tiện vận chuyển giống thủy sản, 38 lượt tuần tra; lấy 09 mẫu thuốc thú y để phân tích kiểm tra chất lượng sản phẩm hàng hóa; phát hiện và xử lý 12 trường hợp vi phạm. Đến nay thanh tra, kiểm tra 19 hộ giết mổ gia súc (heo), 63 quầy mua bán thịt heo; 06 lượt cơ sở giết mổ gia súc tập trung; 41 cơ sở kinh doanh thực phẩm; 43 cơ sở kinh doanh phân bón; 11 lượt phương tiện vận chuyển gia súc, gia cầm và giống thủy sản; 27 cơ sở kinh doanh thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản; 01 công ty kinh doanh thức ăn thủy sản và sản phẩm xử lý môi trường; 33 cơ sở kinh doanh thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y và 249 lượt tuần tra, kiểm tra rừng và kiểm soát lâm sản, 216 phương tiện tàu cá; thu 129 mẫu nông sản; phát hiện và xử lý 32 trường hợp vi phạm.

b) Công tác khuyến nông và công tác giống

Công tác khuyến nông: Tổ chức 09 lớp tập huấn kỹ thuật chăn nuôi bò sinh sản cho 234 nông dân huyện Trà Cú dự. Kết hợp Đài Phát thanh truyền hình Trà Vinh thực hiện 01 cuộc phỏng vấn nội dung “Quản lý đàn vật nuôi trong điều kiện khô hạn” tại xã Song Lộc huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Nâng tổng số đến nay tổ chức 10 lớp tập huấn kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản cho 284 nông dân huyện Trà Cú, Duyên Hải và thị xã Duyên Hải; Tiếp tục phối hợp với địa phương thực hiện theo dõi các 05 mô hình trình diễn thuộc mô hình thực nghiệm giống cây, con mới; 01 mô hình thuộc dự án Spir; Dự án “Xây dựng phát triển mô hình nuôi tôm sú – lúa gắn với chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm” giai đoạn 2023: Đang điều chỉnh thuyết minh, dự toán chi tiết theo ý kiến góp ý Trung tâm Khuyến nông Quốc gia; Hoàn chỉnh định mức kinh tế kỹ thuật; xây dựng Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông lâm thủy sản đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt

Công tác giống:

+ Giống cây trồng: Sản xuất giống lúa OM 18 vụ Đông xuân năm 2022-2023, diện tích 3,3 ha (chuẩn bị thu hoạch); xuống giống lúa OM 18 vụ Hè Thu năm 2023 là 04 ha; cung ứng 45 cây giống. Nâng đến nay cung ứng 800 cây giống chăm sóc cam sành gốc ghép vô bầu, cây cam sành không hạt S₁, cây S₀ quýt đường được trồng trong nhà lưới cây phát triển tốt; ươm 2.500 trái dừa giống, chiết 2.510 nhánh chanh; cung ứng 700 kg bưởi thương phẩm, 2.500 trái dừa và 600 cây điệp (cây công trình).

+ Giống thủy sản: Xuất bán 540 ngàn con giống tôm càng xanh toàn đực; thu hoạch 4,21 tấn tôm thẻ, hiện đã thả 900 ngàn con giống tôm thẻ chân trắng và ương 03 triệu áu trùng tôm càng xanh toàn đực.

III. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THÁNG 5

1. Trồng trọt và bảo vệ thực vật

Cây lúa: Kết hợp địa phương triển khai lịch thời vụ tại Thông báo số 161/TB-SNN-BVTV ngày 06/4/2023 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; hướng dẫn nông dân cày ải, tiêu mặn, xổ phèn, vệ sinh đồng ruộng và xuống giống lúa Hè Thu dứt điểm theo khung lịch thời vụ, không kéo dài, ảnh hưởng đến vụ tiếp theo; hướng dẫn nông dân chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh đến giai đoạn an toàn, tuyệt đối không để xảy ra thiệt hại đầu vụ (do ngộ độc phèn và ngộ độc hữu cơ). Tăng cường công tác dự tính, dự báo và xây dựng các điểm dự báo sâu bệnh, kịp thời thông báo, hướng dẫn nông dân phòng trị. Tổ chức điều tra giá thành sản xuất lúa vụ Đông Xuân. Rà soát và đăng ký cụ thể diện tích sản xuất lúa đảm bảo chi trả chứng chỉ Cacbon trên địa bàn tỉnh. Kết hợp luân canh, xen canh giữa lúa với các cây trồng khác và thủy sản, chăn nuôi thủy cầm để tăng thu nhập cho người nông dân và cải thiện hệ thống canh tác theo Kế hoạch số 32/KH-UBND ngày 23/4/2021 của UBND tỉnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác: Mở rộng diện tích trồng màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác phù hợp với điều kiện sản xuất của từng vùng, tập trung mạnh việc đưa cây màu luân canh trên đất trồng lúa; đẩy mạnh phát triển các loại màu chủ lực thành các vùng sản xuất tập trung, áp dụng công nghệ cao, sản xuất theo quy trình sản xuất tốt, hữu cơ, sạch, đảm bảo an toàn thực phẩm, đáp ứng nhu cầu của thị trường tiêu thụ và gắn với các doanh nghiệp thu mua sơ chế, chế biến và tiêu thụ nông sản.

2. Chăn nuôi và thú y

Tiếp tục giám sát tình hình dịch bệnh Dịch tả heo Châu Phi, Đại chó, mèo, Lở mồm long móng (trên đàn gia súc) và cúm gia cầm để có hướng xử lý kịp thời; tuyên truyền, vận động các hộ chăn chủ động tiêm phòng cho đàn vật nuôi và thực hiện tiêu độc khử trùng theo quy định để bảo hộ cho đàn vật nuôi đặc biệt là trong thời điểm giao mùa; thực hiện kiểm soát giết mổ tại cơ sở giết mổ tập trung; tổ chức tuyên truyền, tập huấn phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm và thủy sản. Đẩy mạnh cơ cấu lại ngành chăn nuôi theo hướng tăng tỷ trọng các loài nuôi có giá trị kinh tế, dễ tiêu thụ, có thị trường ổn định để nâng cao thu nhập cho người chăn nuôi, đảm bảo cho ngành chăn nuôi phát triển ổn định; thực hiện các giải

pháp đẩy mạnh tái đàn heo. Phát triển chăn nuôi theo quy mô trang trại và gia trại, duy trì chăn nuôi nông hộ theo hình thức hữu cơ truyền thống; phát triển chăn nuôi tập trung an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường. Quản lý chặt chẽ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, buôn bán và sử dụng thuốc thú y, kịp thời ngăn chặn, không để xảy ra tình trạng lạm dụng thuốc kháng sinh và các chất tăng trọng trong chăn nuôi. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát động vật và sản phẩm động vật xuất nhập tinh kịp thời phát hiện và xử lý khi phát hiện có mang mầm bệnh lây nhiễm. Tăng cường kiểm tra các phương tiện vận chuyển, các lò giết mổ, các cơ sở mua bán sản phẩm động vật xuất, nhập tinh.

3. Thủy sản

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền các quy định liên quan đến hoạt động khai thác thủy sản, nhất là quy định về việc lắp đặt và duy trì tín hiệu vệ tinh thiết bị giám sát hành trình trên tàu cá. Khuyến khích phát triển khai thác hải sản xa bờ gắn với bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản, bảo vệ chủ quyền biển đảo, giảm khai thác thủy sản nội đồng, vùng cửa sông và hải sản gần bờ nhằm tái tạo lại nguồn lợi thủy sản. Tăng cường công tác tuyên truyền chống khai thác bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (khai thác IUU).

Khuyến cáo người nuôi tôm thường xuyên theo dõi diễn biến thời tiết, môi trường, dịch bệnh, độ mặn thích hợp thì thả nuôi theo hình thức thả canh và bán thảm canh; tăng cường cán bộ chuyên môn trực tiếp theo dõi địa bàn để tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật cho người nuôi thủy sản ở các vùng trọng điểm. Thực hiện quan trắc môi trường nước, thu mẫu giáp xác phân tích mầm bệnh và thông báo trên Đài Phát thanh và Truyền hình Trà Vinh để nông dân quản lý ao nuôi. Tiếp tục tuyên truyền phổ biến đến người nuôi việc thực hiện đăng ký nuôi các đối tượng thủy sản chủ lực làm cơ sở cấp mã vùng nuôi.

4. Lâm nghiệp

Triển khai kế hoạch trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng; tổ chức tuyên truyền, tập huấn về phòng cháy, chữa cháy rừng, Luật Lâm nghiệp và các văn bản có liên quan cho các tổ chức, cá nhân nhận khoán, cộng đồng dân cư sống gần rừng nâng cao ý thức về vai trò, tầm quan trọng và lợi ích của rừng; phân công cán bộ trực và chuẩn bị sẵn sàng phương tiện chữa cháy, trang thiết bị cần thiết phục vụ cho công tác phòng cháy chữa cháy rừng đảm bảo không để xảy ra cháy rừng; tăng cường tuần tra bảo vệ rừng, kiểm soát lâm sản và quản lý động vật hoang dã, ngăn chặn và xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm.

5. Phát triển nông thôn

Tham mưu BCĐ tỉnh ban hành Chương trình công tác năm 2023 của Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG và Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa tỉnh Trà Vinh; tham mưu, đề xuất nhu cầu vốn NTM năm 2023; Tham mưu kế hoạch năm 2023 thực hiện Chương trình Khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021 – 2025. Tổng hợp ý kiến đóng góp Chương trình Tăng cường bảo vệ môi trường an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới; Phối hợp Sở, ngành, Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG và Phong trào

toàn dân ĐKXD đời sống văn hóa các huyện rà soát, đánh giá, kiểm tra, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện các tiêu chí NTM, NTM nâng cao, kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh; thẩm định xã Vinh Kim đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao năm 2022.

Triển khai 04 lớp tập huấn thành lập mới THT trên địa bàn huyện Trà Cú và 20 lớp tập huấn cung cấp HTX nhằm làm điểm hỗ trợ nâng cao hiệu quả hoạt động năm 2023 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh. Chuẩn bị nội dung sơ kết 05 năm thực hiện chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP.

Hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết ban hành nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất trên địa bàn tỉnh Trà Vinh” trình UBND tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành tại kỳ họp giữa kỳ năm 2023; Tham mưu xây dựng dự thảo Kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023 - 2025; Triển khai lắp đặt pano tuyên truyền công tác bảo vệ môi trường làng nghề năm 2023.

Tiếp tục phối hợp với UBND các huyện triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ cơ sở tham gia Chương trình OCOP năm 2023. Kết hợp địa phương vận động các đối tượng có tiềm năng phát triển sản phẩm OCOP. Tiếp nhận hồ sơ, tổ chức đánh giá phân hạng sản phẩm OCOP đợt 1 năm 2023; trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch Chương trình mỗi xã một sản phẩm năm 2023.

6. Công tác chuyên ngành: Tiếp tục tổ chức tập huấn và tư vấn kỹ thuật trực tiếp cho người sản xuất trên các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản; theo dõi tiến độ thực hiện các mô hình, đề tài, dự án, đồng thời khẩn trương triển khai thực hiện các mô hình, dự án thuộc các nguồn vốn được phân bổ trong năm; thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước về VSATTP và quản lý vật tư đầu vào phục vụ sản xuất; thường xuyên kiểm tra đê điều, tham mưu xử lý kịp thời khi có sự cố; tăng cường công tác thanh kiểm tra chuyên ngành; triển khai thực hiện hoàn thành công tác thủy lợi nội đồng năm 2023; đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân các công trình đầu tư xây dựng cơ bản.

Trên đây là báo cáo sơ kết công tác tháng 4, 4 tháng đầu năm và kế hoạch công tác tháng 5 năm 2023 của ngành, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn yêu cầu các đơn vị, phòng, ban thuộc Sở, phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện, phòng Kinh tế thị xã, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ xây dựng kế hoạch cụ thể cho đơn vị, địa phương mình tổ chức quán triệt trong nội bộ và tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện để đạt kết quả cao nhất./.

Noi nhận:

- Bộ NN-PTNT;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND, UBND tỉnh;
- Sở KH-ĐT, Cục Thống kê;
- GD, các PGĐ Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Phòng NN và PTNT các huyện, TX, TP;
- Lưu: VT, VP.



Trần Văn Dũng

BÁO CÁO SẢN XUẤT NÔNG, LÂM, DIỆM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN

THÁNG 4, 4 THÁNG NĂM 2023

(Ước tính đến ngày 15/4/2023)

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện cùng kỳ	Năm 2023			% so sánh với	
				Kế hoạch	UTH tháng 4	Ước TH 4 tháng	Cùng kỳ	Kế hoạch
A	TRỒNG TRỌT							
	Cây hàng năm							
	Tổng DT gieo trồng	Ha	90.195	240.285	15.389	98.066	108,73	40,81
	Tổng sản lượng	tấn	730.623	2.464.302	325.923	696.624	95,35	28,27
	Cây lương thực có hạt	Ha	66.608	191.400	8.778	73.783	110,77	38,55
1.	Cây lúa	Ha	64.451	187.700	8.319	71.570	111,04	38,13
	Sản lượng	tấn	388.032	1.065.150	277.635	360.660	92,95	33,86
b	Vụ mùa							
	- Diện tích xuống giống	ha	1.090			1.142	104,79	
	- Diện tích thu hoạch	Ha	1.090			1.142	104,79	
	- Năng suất	Tạ/ha	47,78			44,21	92,53	
	- Sản lượng	tấn	5.206			5.048	96,97	
c	Đông Xuân							
	- Diện tích xuống giống	ha	63.326	51.700		62.109	98,08	120,13
	- Diện tích thu hoạch	Ha	59.442	51.700	39.305	52.840	88,89	102,20
	- Năng suất	Tạ/ha	64,40	67,00	70,64	67,30	104,50	100,45
	- Sản lượng	tấn	382.826	346.390	277.635	355.612	92,89	102,66
d	Hè Thu							
	- Diện tích	ha	36	68.000	8.319	8.319		12,23
	- Năng suất	Tạ/ha		52,50				
	- Sản lượng	tấn		357.000				
e	Thu Đông							
	- Diện tích	ha		68.000				
	- Năng suất	Tạ/ha		53,20				
	- Sản lượng	tấn		361.760				
2.	Cây màu							
	Diện tích gieo trồng	Ha	25.744	52.585	7.070	26.496,2	102,92	50,39
	Diện tích thu hoạch	Ha	14.890	52.585	1.885	14.390	96,64	27,36
	Sản lượng thu hoạch	tấn	342.591	1.399.152	48.288	335.964	98,07	24,01
a	Màu lương thực	Ha	3.160	5.970	835	3.243,8	102,66	54,34
	Cây bắp							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	2.156,6	3.700	458,90	2.213,5	102,64	59,82
	+ Diện tích thu hoạch	"	1.086,42	3.700	229,86	1.103,5	101,57	29,82
	+ Năng suất	Tạ/ha	55,80	55,50	55,86	58,40	104,66	105,23
	+ Sản lượng	Tấn	6.062	20.535	1.284	6.444	106,30	31,38
	Khoai lang							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	592,50	1.300	303,10	653,00	110,21	50,23
	+ Diện tích thu hoạch	"	184,13	1.300	92,00	221,61	120,36	17,05
	+ Năng suất	Tạ/ha	180,43	168,90	184,10	179,76	99,63	106,43
	+ Sản lượng	Tấn	3.322	21.957	1.694	3.984	119,91	18,14
	Khoai mì							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	251,50	570	32,60	227,70	90,54	39,95
	+ Diện tích thu hoạch	"	41,32	570	18,23	46,71	113,04	8,19
	+ Năng suất	Tạ/ha	157,1	192,11	162,10	161,2	102,61	83,91
	+ Sản lượng	Tấn	649	10.950	296	753	115,99	6,88
	Cây có củ khác							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	159,00	400	40,50	149,60	94,09	37,40
	+ Diện tích thu hoạch	"	61,78	400	24,55	62,40	101,00	15,60

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện cùng kỳ	Năm 2023			% so sánh với	
				Kế hoạch	UTH tháng 4	Ước TH 4 tháng	Cùng kỳ	Kế hoạch
b	+ Năng suất	Tạ/ha	157,40	174,38	158,20	157,90	100,32	90,55
	+ Sản lượng	Tấn	972,42	6.975	388	985	101,32	14,13
	Cây thực phẩm	Tấn	14.348	32.575	2.510	13.499	94,08	41,44
	Rau các loại	Ha	14.082,66	32.100	2.335,2	13.215,89	93,85	41,17
	+ DT gieo trồng	"	9.912,0	32.100	925,28	9.877,0	99,65	30,77
	+ Diện tích thu hoạch	Tạ/ha	227,40	226,10	227,6	227,50	100,04	100,62
	+ Năng suất	Tấn	225.399	725.781	21.059	224.702	99,69	30,96
	Đậu các loại	Ha	265,17	475	174,47	282,72	106,62	59,52
	+ DT gieo trồng	"	37,41	475	6,01	33,48	89,49	7,05
	+ Diện tích thu hoạch	Tạ/ha	17,40	21,05	18,77	18,87	108,47	89,65
c	+ Năng suất	Tấn	65,09	1.000	11,28	63,19	97,08	6,32
	Cây công nghiệp hàng năm		8.237	14.040	3.725	9.754	118,42	69,47
	Đậu phộng	Ha	3.394,30	4.420	925,6	3.430,47	101,07	77,61
	+ Diện tích gieo trồng	"	1.644,3	4.420	185,29	1.172,6	71,32	26,53
	+ Diện tích thu hoạch	Tạ/ha	53,90	52,40	54,13	54,12	100,41	103,28
	+ Năng suất	Tấn	8.863	23.161	1.003	6.346	71,61	27,40
	Mía	Ha	849,00	1.300	416,0	931,30	109,69	71,64
	+ Diện tích trồng	"	203,0	1.300	103,7	206,0	101,48	15,85
	+ Diện tích thu hoạch	Tạ/ha	957,10	978,20	962,40	963,30	100,65	98,48
	+ Năng suất	Tấn	19.429	127.166	9.980	19.844	102,14	15,60
B	Cây lác (cói)	Ha	1.263,80	2.570	472	1.228,00	97,17	47,78
	+ Diện tích gieo trồng	"	655,4	2.570	133,7	684,2	104,39	26,62
	+ Diện tích thu hoạch	Tạ/ha	109,7	118,20	114,30	112,1	102,19	94,84
	+ Năng suất	Tấn	7.190	30.377	1.529	7.670	106,67	25,25
	Cây trồng khác	ha	2.729,70	5.750	1.912,0	4.163,97	152,54	72,42
	+ Diện tích gieo trồng	ha	1.064,7	5.750	166,5	982,3	92,26	17,08
	+ Diện tích thu hoạch	Tấn	70.640	431.250	11.044	65.172	92,26	15,11
	- DT rừng trồng tập trung	Ha		50				
	- Chăm sóc rừng	Ha		116				
	- DT giao khoán bảo vệ	Ha		3.490				
C	THỦY SẢN							
1.	Tổng diện tích nuôi	Ha	31.751	52.100	6.540	31.520	99,27	60,50
1.1	Nuôi nước ngọt	"	875	3.500	343	974	111,30	27,82
	- Diện tích nuôi cá	"	369	2.000	47	282	76,48	14,11
	Trong đó: + Cá tra, cá ba sa	"	11	50	-	8,91	82,42	17,82
	+ Cá lóc	"	116	480	17	74,8	64,69	15,59
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	506	1.500	296	692	136,71	46,10
	Trong đó: tôm càng xanh	"	506	1.500	296	692	136,71	46,10
	- Diện tích nuôi khác	"						
1.2.	Nuôi nước mặn, lợ	Ha	30.876	48.600	6.197	30.546	98,93	62,85
	- Diện tích nuôi cá	"						
	Trong đó: + cá giò, cá song	"						
	+ ...	"						
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	30.774	47.800	6.197	30.394	98,77	63,59
	Trong đó: + Tôm sú	"	13.671	19.500	2.681	13.935	101,93	71,46

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện cùng kỳ	Năm 2023			% so sánh với	
				Kế hoạch	UTH tháng 4	Ước TH 4 tháng	Cùng kỳ	Kế hoạch
	+ Tôm thẻ chân trắng + Cua biển - Diện tích nuôi khác (nghêu - sò huyết)	SỐ X.H.C.N VIỆT NAM VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TỈNH TRÀ VINH	3.831 13.272 102	8.300 20.000 800	918 2.599 -	3.032 13.428 152	79,14 101,17 19,00	36,53 67,14 19,00
2	Tổng sản lượng thủy sản	Tấn	56.729	244.550	14.726	48.135	84,85	19,68
2.1	Tổng sản lượng nuôi	Tấn	39.791	180.200	12.044	33.278	83,63	18,47
2.1.1	Nuôi nước ngọt	Tấn	21.332	82.200	3.499	15.340	71,91	18,66
	- Sản lượng cá Trong đó: + Cá tra + Cá lóc	"	20.822 4.111 13.458	80.000 7.000 55.500	3.442 39 3.071	14.834 1.121 10.700	71,25 27,27 79,51	18,54 16,01 19,28
	- Sản lượng giáp xác Trong đó: tôm càng xanh	"	510	2.200	57	505	99,04	22,97
	- Sản lượng thủy sản khác	"	510	2.200	57	505	99,04	22,97
2.1.2	Nuôi nước mặn, lợ	Tấn	18.459	98.000	8.545	17.939	97,18	18,30
	- Sản lượng cá nuôi Trong đó: Cá giò, cá song ...	"						
	- Sản lượng tôm nuôi Trong đó: + Tôm sú + Tôm thẻ chân trắng + Nuôi cua biển	"	17.924 2.917 13.742 1.266	95.000 13.300 75.500 6.200	8.360 1.865 6.376 119	16.845 3.085 13.145 615	93,98 105,77 95,66 48,56	17,73 23,20 17,41 9,91
	- Sản lượng thủy sản khác (nghêu - sò huyết)	"	534	3.000	185	1.094	204,76	36,47
2.2	Tổng sản lượng khai thác	Tấn	16.938	64.350	2.682	14.856	87,71	23,09
2.2.1	Khai thác biển	Tấn	14.817	57.500	2.116	12.832	86,60	22,32
	+ Sản lượng cá khai thác Trong đó: - Loài	Tấn	8.529	29.500	1.497	7.616	89,29	25,82
	- ...	"						
	+ Sản lượng giáp xác khai thác Trong đó: - Tôm...	Tấn	1.808	5.500	58	1.351	74,73	24,57
	+ SL hải sản khác khai thác	"	4.480	22.500	561	3.865	86,27	17,18
2.2.2	Khai thác nội địa	Tấn	2.121	6.850	567	2.025	95,46	29,56
	Trong đó: - Cá các loại - Tôm các loại - Thủy sản khác	"	719 307 1.095	1.800 550 4.500	151 68 347	705 305 1.014	98,14 99,20 92,64	39,19 55,43 22,54
	* Tình hình thiệt hại tôm sú	Lượt hộ	12.045		2.615	11.863	98,49	
	- Tổng số hộ thả nuôi	Lượt hộ	794		202	444	55,92	
	- Diện tích thả nuôi	Ha	13.671		2.681	13.935	101,93	
	- Diện tích bị thiệt hại	Ha	225		90	202	89,84	
	- Số con giống thả nuôi	Triệu con	789		165	720	91,31	
	- Số con giống bị thiệt hại	Triệu con	43		22	35	80,94	
	- Tỷ lệ con giống bị thiệt hại	%	5		13	5	88,64	
	* Tình hình thiệt hại tôm thẻ chân trắng	Lượt hộ	8.781		2.392	7.847	89,36	
	- Tổng số hộ thả nuôi	Lượt hộ	921		280	789	85,67	
	- Diện tích thả nuôi	Ha	3.831		918	3.032	79,14	
	- Diện tích bị thiệt hại	Ha	314		100	260	82,79	
	- Số con giống thả nuôi	Triệu con	2.674		721	2.418	90,43	
	- Số con giống bị thiệt hại	Triệu con	217		73	189	86,82	
	- Tỷ lệ con giống bị thiệt hại	%	8		10	8	96,02	